

UBND QUẬN BÌNH THẠNH				TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI LẠI																						
Trường THCS Nguyễn Văn Bê																										
Lớp	STTHS	Họ và tên		Nữ	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	TD	Nhạc	MT	Tin	ĐTB	XLHL	Hạng	XLHK	CP	KP	DH	KQ
6/3	2	Lê Trần Tuấn	An		4.1	4.3		5.9	5.0	6.6	6.0	4.8	7.3	6.8	Đ	Đ	Đ	8.4	5.9	Tb		T	1	0		LL
6/3	30	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc		4.6	8.3		4.6	6.5	6.1	6.9	4.6	6.1	6.5	Đ	Đ	Đ	8.1	6.2	Tb		T				LL
6/3	47	Hồ Ngọc Phương	Vy	X	6.8	7.3		4.2	3.8	5.9	4.7	3.7	5.4	5.7	Đ	Đ	Đ	8.2	5.6	Tb		T	1	0		LL
6/4	3	Tăng Ngọc	Bích	X	6.3	5.8		6.3	4.2	5.5	7.5	4.8	8.4	7.0	Đ	Đ	Đ	7.9	6.4	Tb		T	0	13		LL
6/4	21	Đào Nhật Thiên	Kim	X	5.0	7.0		5.4	4.7	6.8	6.0	4.5	6.1	6.7	Đ	Đ	Đ	7.2	5.9	Tb		T				LL
6/4	47	Nguyễn Hoàng Lan	Vy	X	4.1	5.0		4.9	5.0	5.9	5.9	3.5	6.4	6.1	Đ	Đ	Đ	8.5	5.5	Tb		T	1	3		LL
6/5	27	Lư Trúc	Nhi	X	4.4	4.1		6.8	6.3	6.6	6.5	3.5	8.3	8.7	Đ	Đ	Đ	7.3	6.3	Tb		T				LL
6/5	35	Nguyễn Bích	Thảo	X	5.3	3.8		7.9	5.7	7.0	9.0	3.6	7.7	6.9	Đ	Đ	Đ	7.3	6.4	Tb		T	0	1		LL
6/6	11	Nguyễn Thái	Duy		8.8	7.3		4.8	5.0	6.7	5.5	3.8	8.0	6.7	Đ	Đ	Đ	7.9	6.5	Tb		T	3	6		LL
6/6	30	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	X	7.8	7.3		5.9	5.0	5.9	6.5	8.5	6.6	6.8	Đ	Đ	Đ	7.7	6.8	K		T	3	8		LL
6/6	41	Huỳnh Văn	Tiền		6.2	4.1		5.7	5.9	8.6	7.4	8.0	8.2	7.5	Đ	Đ	Đ	7.8	6.9	Tb		T				LL
6/7	14	Đoàn Trần Ngọc	Huyền	X	9.0	4.4		8.2	4.6	7.8	7.8	5.8	8.7	7.7	Đ	Đ	Đ	7.9	7.2	Tb		T	6	4		LL
6/7	15	Trần Đoàn Đăng	Khoa		8.5	4.5		4.0	3.5	8.0	5.2	5.5	6.7	6.4	Đ	Đ	Đ	6.5	5.9	Tb		T	12	1		LL
6/9	37	Dương Tân	Tỷ		4.5	9.3		5.3	5.6	4.5	6.4	4.3	7.5	6.2	Đ	Đ	Đ	7.6	6.1	Tb		K	5	0		LL
6/12	15	Phạm Quốc	Khánh		9.8	10.0		5.5	5.2	7.7	6.1	6.9	7.6	7.1	Đ	Đ	Đ	7.7	7.4	K		T	2	1		LL
6/12	40	Trần Trịnh Thùy	Trang	X	6.5	7.3		5.5	6.1	7.0	7.3	6.3	7.2	7.0	Đ	Đ	Đ	7.7	6.8	K		T	2	0		LL
7/3	2	Nguyễn Trần Ngọc	Dung	X	8.8	4.4		8.0	4.9	8.0	7.7	4.1	6.8	7.9	Đ	Đ	Đ	6.8	6.7	Tb		T	1	1		LL
7/5	20	Trần Đình	Phúc		3.9	8.0		6.2	5.0	5.2	7.7	4.9	4.8	7.1	Đ	Đ	Đ	7.1	6.0	Tb		T	3	0		LL
7/5	25	Hà Xuân	Thắng		8.8	4.5		5.5	5.5	7.3	8.5	4.5	5.9	8.7	Đ	Đ	Đ	8.3	6.8	Tb		T	3	5		LL
7/6	6	Hồ Trường Thanh	Hiếu		5.8	4.0		6.3	5.0	6.6	7.4	4.8	6.1	7.5	Đ	Đ	Đ	8.3	6.2	Tb		T	4	2		LL
7/6	9	Nguyễn Ngọc Bảo	Khanh	X	4.5	4.5		8.7	5.2	6.1	8.0	7.0	7.4	6.8	Đ	Đ	Đ	8.0	6.6	Tb		K	0	9		LL
7/6	15	Bùi Ngọc Minh	Nghĩa		5.1	4.3		6.9	4.9	6.7	7.4	6.3	7.3	7.4	Đ	Đ	Đ	8.8	6.5	Tb		T	0	1		LL
7/6	22	Trần Nguyễn Hà	Phương	X	5.1	3.5		7.1	5.8	8.1	7.6	3.5	8.0	8.5	Đ	Đ	Đ	6.7	6.4	Tb		T				LL
7/6	26	Nguyễn Hoàng Bảo	Thiên		4.9	6.8		6.8	5.3	6.5	7.3	3.7	7.7	5.7	Đ	Đ	Đ	7.5	6.2	Tb		T				LL
7/6	27	Võ Huỳnh Diệu	Thiện	X	4.2	7.5		8.0	5.0	8.5	8.6	4.7	7.2	7.6	Đ	Đ	Đ	8.2	7.0	Tb		T	1	0		LL
7/8	3	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	X	5.2	4.1		7.2	5.8	8.2	8.1	4.4	6.4	7.6	Đ	Đ	Đ	7.8	6.5	Tb		T	1	0		LL
7/8	4	Ngô Ngọc Minh	Châu	X	5.5	4.9		5.5	3.9	7.1	7.6	4.2	6.4	8.5	Đ	Đ	Đ	8.6	6.2	Tb		T	0	3		LL
7/9	5	Lê Duy	Được		5.0	4.7		6.4	5.8	6.0	7.0	5.0	6.4	6.6	Đ	Đ	Đ	7.2	6.0	Tb		T	4	0		LL
7/9	9	Lê Nhật	Huy		8.5	4.4		5.9	5.5	6.4	7.1	5.9	6.3	7.3	Đ	Đ	Đ	7.1	6.4	Tb		T	0	1		LL
7/9	33	Trần Quốc	Thống		6.0	3.5		4.4	3.8	5.1	6.1	3.9	5.9	5.8	Đ	Đ	Đ	6.8	5.1	Tb		T	0	1		LL
7/10	6	Nguyễn	Duy		4.2	8.5		6.6	5.3	5.1	4.7	8.8	7.3	7.6	Đ	Đ	Đ	7.7	6.6	Tb		T	2	0		LL
7/10	15	Lê Đỗ Đăng	Khoa		5.0	3.6		5.8	4.4	6.4	6.2	4.3	5.1	6.1	Đ	Đ	Đ	7.5	5.4	Tb		T				LL
7/10	30	Võ Đại	Thành		6.0	8.0		7.1	4.9	7.1	8.3	3.7	6.3	6.5	Đ	Đ	Đ	8.0	6.6	Tb		T				LL
7/10	37	Phạm Thanh Ngọc	Trình	X	5.7	8.5		5.2	4.5	5.8	6.9	6.0	6.4	6.4	Đ	Đ	Đ	8.1	6.4	Tb		T	1	1		LL
8/3	20	Trần Ngọc Thiên	Nga	X	5.1	9.5	5.3	8.0	5.4	6.6	8.7	4.0	7.8	5.5	Đ	Đ	Đ	8.7	6.8	Tb		T	9	0		LL
8/3	44	Lê Thị Mỹ	Xuyên	X	3.7	5.4	5.1	9.0	7.0	8.2	8.4	8.3	7.8	7.1	Đ	Đ	Đ	9.2	7.2	Tb		T	7	3		LL
8/4	5	Võ Thị Kim	Cương	X	4.6	9.5	4.5	7.2	6.3	8.6	8.6	6.4	8.6	6.1	Đ	Đ	Đ	7.1	7.0	Tb		T	1	0		LL
8/4	9	Huỳnh Thị Bích	Hằng	X	5.8	4.0	5.2	6.1	7.3	8.6	8.3	5.5	8.6	5.7	Đ	Đ	Đ	7.7	6.6	Tb		T	0	1		LL
8/4	10	Bùi Hoàng Bảo	Hân	X	5.0	7.0	5.8	5.7	6.6	7.9	7.9	4.2	8.1	5.4	Đ	Đ	Đ	6.7	6.4	Tb		T	0	8		LL
8/4	11	Đặng Thê	Hiển		4.5	6.0	6.8	4.8	4.6	7.6	6.4	5.1	7.2	5.2	Đ	Đ	Đ	6.7	5.9	Tb		T	0	1		LL
8/4	13	Nguyễn Hoàng	Hùng		5.2	8.0	4.0	5.5	4.7	7.5	5.8	6.1	6.3	4.0	Đ	Đ	Đ	7.7	5.9	Tb		T	1	0		LL
8/4	30	Phan Đặng Quỳnh	Như	X	8.0	9.5	9.0	6.8	5.4	8.2	6.0	5.3	7.6	4.9	Đ	Đ	Đ	7.1	7.1	Tb		T	12	5		LL
8/4	33	Nguyễn Nhật	Quang		3.7	7.5	5.1	6.2	5.7	7.7	6.4	7.5	5.6	6.2	Đ	Đ	Đ	7.3	6.3	Tb		T	0	1		LL
8/4	34	Dương Huỳnh Minh	Quân		3.5	5.0	4.3	6.5	6.4	8.9	6.7	4.9	8.5	6.1	Đ	Đ	Đ	7.7	6.2	Tb		T				LL
8/5	3	Đoàn Trần Quốc	Bảo		7.3	4.4	6.4	6.0	5.9	6.6	7.5	4.3	6.7	6.1	Đ	Đ	Đ	7.0	6.2	Tb		T	1	1		LL
8/5	7	Đặng Thị Ngọc	Hoa	X	6.3	7.3	4.1	6.0	3.9	6.9	5.8	4.1	6.8	5.0	Đ	Đ	Đ	6.6	5.7	Tb		T				LL
8/5	28	Hoàng Thiên	Phúc		7.3	4.7	5.7	6.9	4.6	7.4	8.2	4.4	8.2	6.1	Đ	Đ	Đ	7.3	6.4	Tb		T	2	1		LL
8/5	31	Võ Thành	Tài		4.4	8.0	10.0	5.9	6.1	7.4	7.3	6.2	8.5	5.8	Đ	Đ	Đ	6.0	6.9	Tb		T	1	1		LL
8/5	40	Nguyễn Quốc Gia	Vinh		6.0	3.9	6.3	6.2	3.6	8.2	6.1	8.8	7.2	5.7	Đ	Đ	Đ	8.9	6.4	Tb		T	2	0		LL
8/6	5	Nguyễn Thanh	Duy		4.4	4.8	4.1	8.0	5.3	8.0	7.5	8.5	8.4	6.4	Đ	Đ	Đ	8.3	6.7	Tb		T				LL
8/6	13	Đình Anh	Kiệt		4.5	4.1	6.2	4.7	8.0	6.9	7.3	4.1	7.5	4.2	Đ	Đ	Đ	7.9	5.9	Tb		T	0	1		LL
8/6	23	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	X	5.3	7.0	5.2	6.3	4.6	6.4	6.7	3.5	6.1	4.4	Đ	Đ	Đ	8.0	5.8	Tb		T	2	0		LL
8/6	25	Trịnh Đặng Quỳnh	Như	X	4.3	7.8	4.8	7.4	5.0	7.6	6.7	3.6	8.1	6.0	Đ	Đ	Đ	8.4	6.3	Tb		T	0	1		LL
8/6	32	Tăng Thụy Ngọc	Thảo	X	5.5	3.5	3.5	7.0	5.6	7.1	7.1	4.1	8.3	5.5	Đ	Đ	Đ	7.9	5.9	Tb		T	1	27		LL
8/7	7	Hồ Ngọc Thanh	Hà	X	4.3	4.3	5.4	7.5	6.0	8.2	7.7	7.5	8.1	5.1	Đ	Đ	Đ	8.7	6.6	Tb		T	6	6		LL
8/7	10	Nguyễn Xuân	Hy	X	6.0	4.0	5.4	6.3	5.2	7.4	5.9	4.4	6.4	5.6	Đ	Đ	Đ	6.7	5.8	Tb		T	0	1		LL
8/7	14	Lê Trung	Kiên		5.																					

Lớp	STTHS	Họ và tên		Nữ	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	TD	Nhạc	MT	Tin	ĐTB	XLHL	Hạng	XLHK	CP	KP	DH	KQ
8/7	33	Trần Ngọc Hưng	Thịnh		6.0	6.0	4.7	5.1	4.9	6.7	6.9	5.5	6.5	5.7	Đ	Đ	Đ	8.6	6.1	Tb		T	7	7		LL
8/8	16	Hà Mai Trúc	Linh	X	6.8	4.8	5.4	6.2	6.3	7.8	6.8	4.9	8.8	5.6	Đ	Đ	Đ	8.6	6.5	Tb		T	2	3		LL
8/8	17	Trịnh Minh	Long		8.5	3.8	5.5	6.9	6.0	8.7	6.2	5.1	6.6	5.5	Đ	Đ	Đ	9.0	6.5	Tb		T	3	2		LL
8/9	19	Nguyễn Đình Ngọc	Nhi	X	4.7	5.0	5.2	5.6	5.9	8.0	7.0	7.3	7.1	4.8	Đ	Đ	Đ	7.4	6.2	Tb		T	0	2		LL
8/9	32	Hoàng Nguyễn Anh	Tín		3.5	6.8	4.1	5.2	5.6	6.9	7.9	9.3	7.5	4.4	Đ	Đ	Đ	7.1	6.2	Tb		T	1	11		LL
8/11	16	Nguyễn Bảo	Ngân	X	6.0	5.6	4.5	7.3	4.3	7.8	7.3	4.8	7.5	4.9	Đ	Đ	Đ	7.9	6.2	Tb		T				LL
8/11	37	Thái Gia	Tuấn		3.5	4.4	10.0	4.9	6.0	7.4	6.1	4.0	7.0	5.1	Đ	Đ	Đ	7.4	6.0	Tb		T	3	3		LL
8/11	38	Lê Trương Đức	Tuyên		6.1	9.0	8.5	5.7	5.9	8.0	7.3	4.7	8.0	5.6	Đ	Đ	Đ	8.3	7.0	Tb		T	1	0		LL

, ngày 14 tháng 8 năm 2021
 Hiệu Trưởng

Lý Ái Trân